FireAnt

CTCP Đầu tư IDJ Việt Nam (HNX: IDJ)

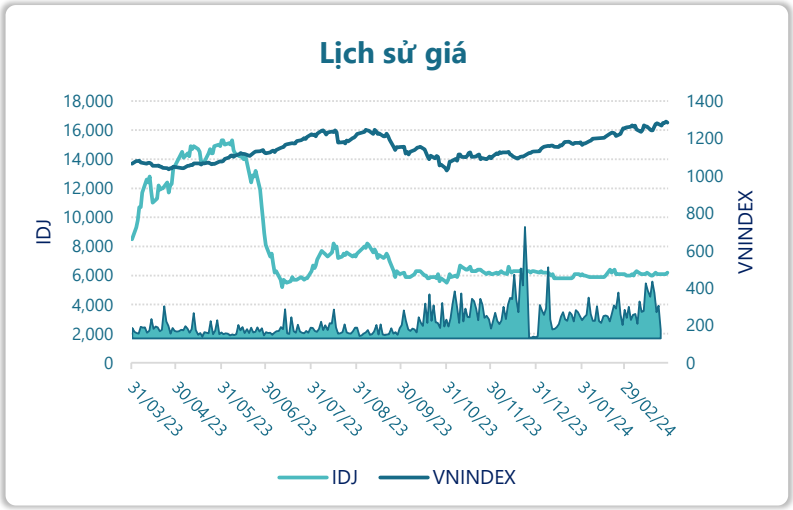

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,200
SL cổ phiếu LH	173,490,193
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,829,475
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,076
P/E	10.6
EPS	584

DT thuần

Q1/24

67.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼217| -76.2%

YoY: ▼178| -72.5%

LN sau thuế

Q1/24

15.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼33.1| -68.5%

YoY: ▼15.1| -49.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

18.2%

+/- YoY: ▼ 5.9%

DT thuần

2023

862

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 45.0| 5.5%

LN sau thuế

2023

109

tỷ VNĐ

YoY: ▼39.0| -25.8%

ROE

2023

5.5%

+/- YoY: ▼ 4.6%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

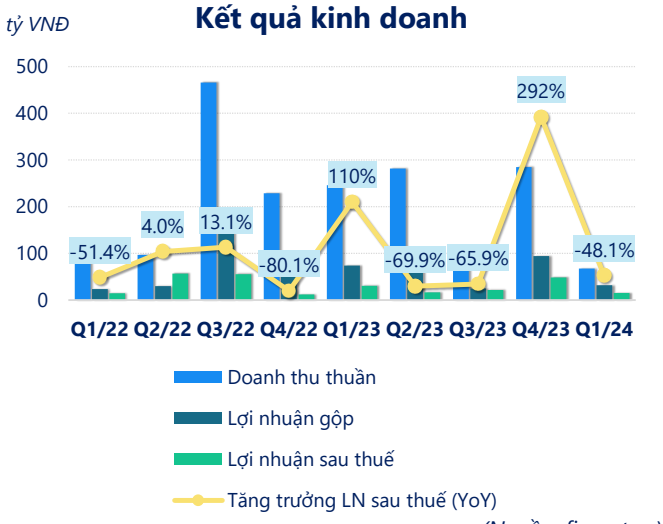

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

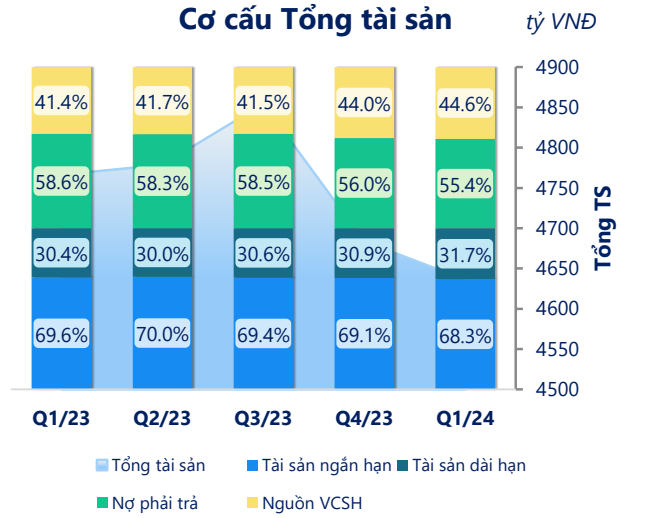

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

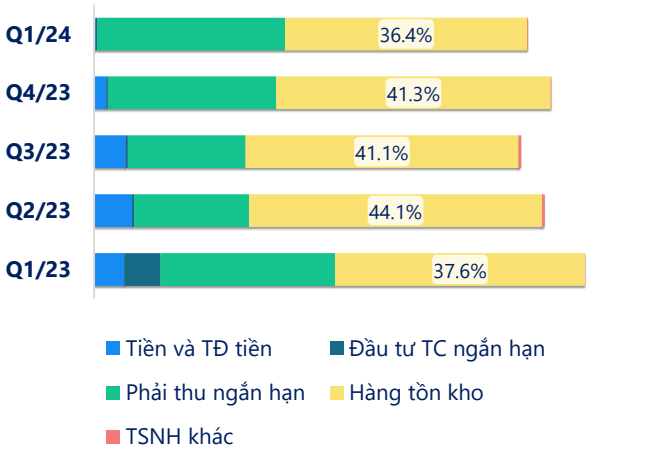

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

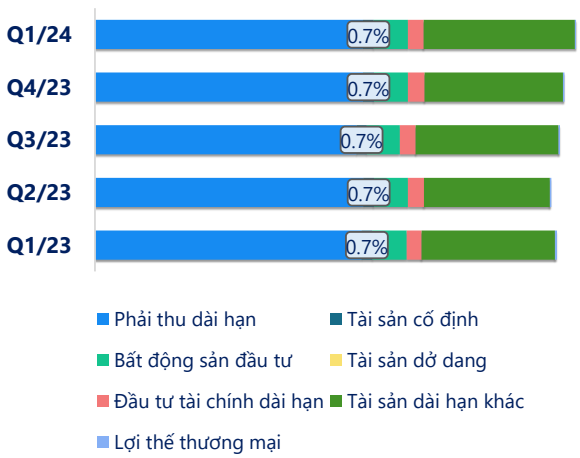

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

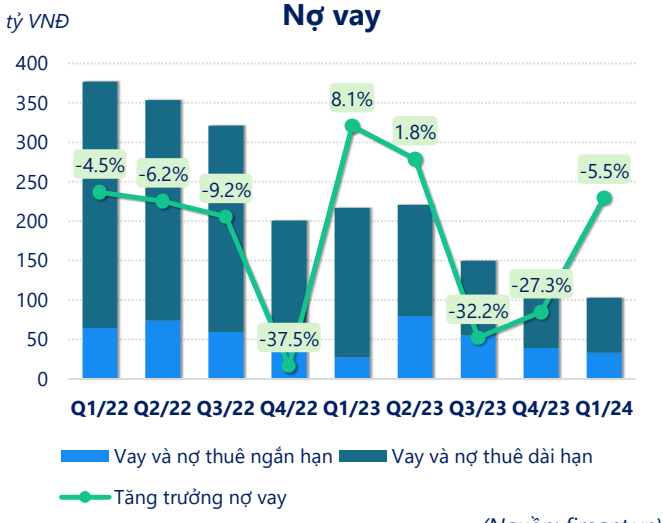

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

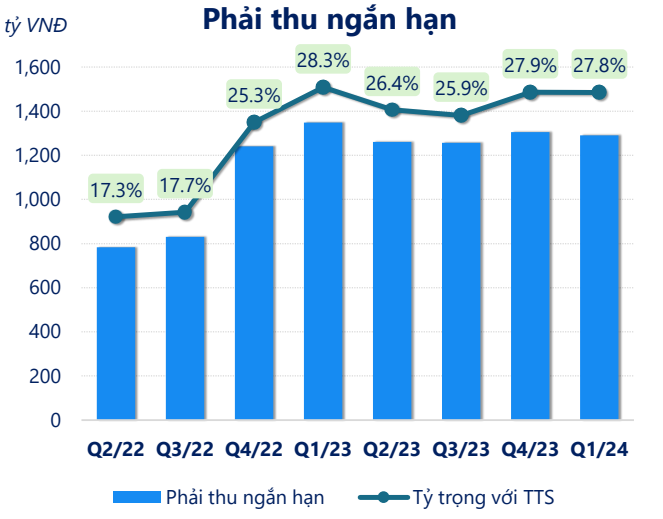

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

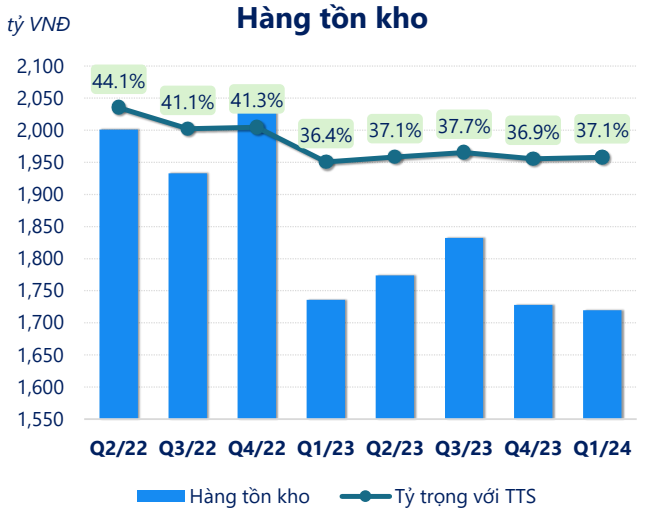

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

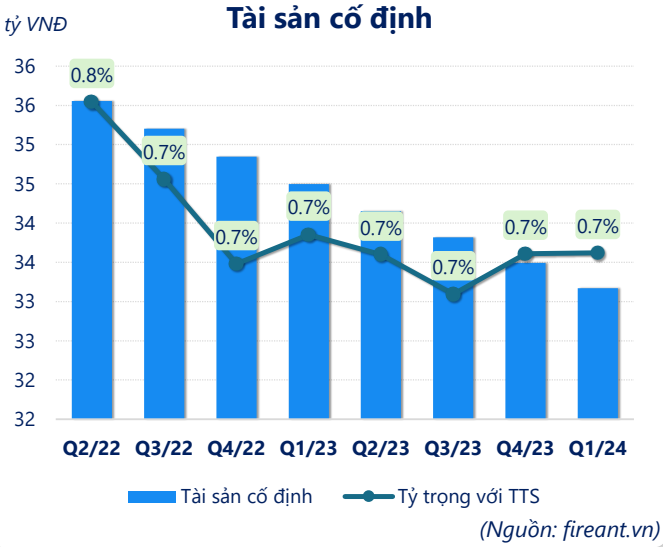

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

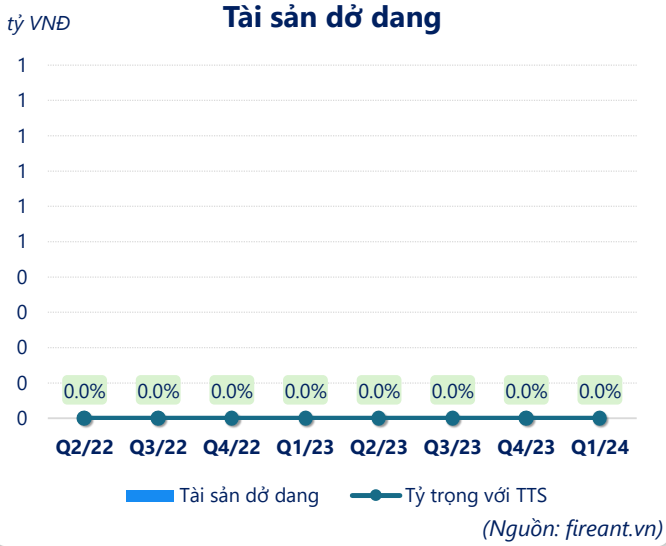

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

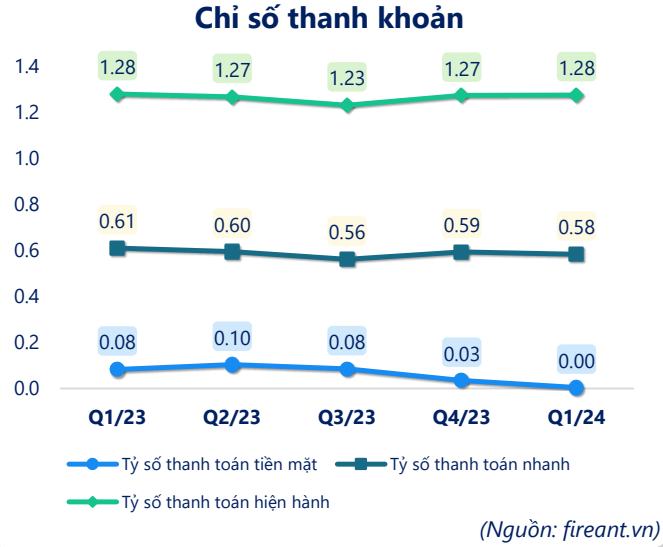

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

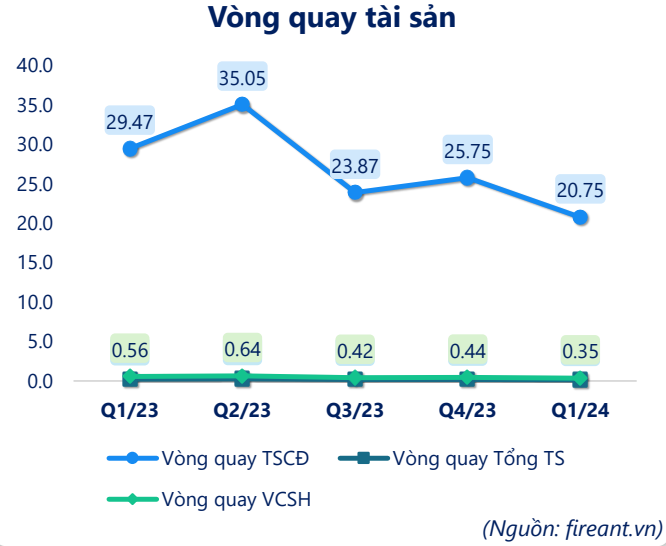

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**4,766**	**4,779**	**4,854**	**4,684**	**4,636**
Tài sản ngắn hạn	**3,317**	**3,343**	**3,368**	**3,236**	**3,168**
Tiền và tương đương tiền	216	274	232	87.4	10.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.1	29.6	29.6	106	132
Phải thu ngắn hạn	1,348	1,260	1,256	1,305	1,291
Hàng tồn kho	1,736	1,774	1,832	1,728	1,720
Tài sản ngắn hạn khác	6.69	5.67	18.0	9.76	15.0
Tài sản dài hạn	**1,449**	**1,436**	**1,486**	**1,448**	**1,468**
Phải thu dài hạn	836	844	835	826	818
Tài sản cố định	34.5	34.2	33.8	33.5	33.2
Bất động sản đầu tư	107	106	106	105	104
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	47.5	50.5	50.5	51.5	48.4
Tài sản dài hạn khác	418	395	456	427	461
Lợi thế thương mại	6.06	5.54	5.02	4.50	3.99
Nợ phải trả	**2,792**	**2,788**	**2,842**	**2,623**	**2,567**
Nợ ngắn hạn	**2,591**	**2,635**	**2,735**	**2,541**	**2,483**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	27.4	79.5	55.2	39.0	33.3
Phải trả người bán ngắn hạn	289	358	417	433	413
Nợ dài hạn	201	153	107	82.3	84.2
Vay và nợ thuê dài hạn	189	141	94.5	69.8	69.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,975**	**1,991**	**2,012**	**2,061**	**2,069**
Vốn chủ sở hữu	**1,975**	**1,991**	**2,012**	**2,061**	**2,069**
Vốn điều lệ	1,735	1,735	1,735	1,735	1,735
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)